

Phụ lục VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
SÀI GÒN VRG

Số: 1664/CV-SVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: **SIP**

- Địa chỉ: **Lô TT2-1, Đường D4, KCN Đông Nam, Xã Hòa Phú, H.Củ Chi, Thành phố HCM, VN**

- Điện thoại liên hệ: **(028) 3847 9375**

Fax: **(028) 3847 9272**

- E-mail: **info@saigonvrg.com.vn**

2. Nội dung thông tin công bố: **Nghị quyết HĐQT số 1651/NQHĐQT-SVI ngày 23/07/2024 về việc ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) thay thế cho Quy chế đã được ban hành kèm theo nghị quyết HĐQT số 1431/NQHĐQT ngày 14/07/2024.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/07/2024 tại đường dẫn <https://saigonvrg.com.vn/vi/thong-bao-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số 1651/NQHĐQT-SVI.



Lư Thanh Nhã

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
SÀI GÒN VRG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Số: 1651/NQHĐQT-SVI

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG;
- Căn cứ vào công văn số 3536/UBCK-QLCB về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 04/06/2024;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ-SVI ngày 26 tháng 04 năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG số 1650/BBHHĐQT-SVI ngày 23/07/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (thay thế cho Quy chế đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 1431/NQHĐQT-SVI ngày 01/07/2024) (Quy chế đính kèm).

Điều 2. Thông qua danh sách người lao động được tham gia Chương trình và số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng thành viên (Danh sách đính kèm).

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA
CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2024



QUY CHẾ

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024

*(Ban hành kèm theo nghị quyết số 1651/NQHĐQT-SVI
ngày 23/07/2024 của Hội đồng quản trị)*

Đây là Quy chế mô tả chi tiết “Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024” áp dụng cho cán bộ, nhân viên chủ chốt (có đủ điều kiện theo Điều 4) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG.

Trong mọi trường hợp, Quy chế này là văn bản pháp quy cao nhất để triển khai thực hiện “Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024” áp dụng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG – được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông – là cơ quan cao nhất có quyền sửa đổi, đình chỉ, thay đổi hoặc chấm dứt “Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024” bất kỳ lúc nào.

Điều 1. Các khái niệm

- Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- HĐQT: Hội đồng quản trị;
- TGD: Tổng giám đốc;
- BKS: Ban kiểm soát;
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên;
- KCN: Khu công nghiệp;
- BDH: Ban điều hành;
- TICC: Tiềm ích công cộng;
- ESOP: Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

Điều 2. Mục đích

- Ghi nhận những đóng góp của CBCNV;
- Tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của CBCNV cùng phần đầu và chia sẻ những thành công của công ty;
- Thu hút và giữ chân những cán bộ chủ chốt có tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm và nhân viên giỏi.

Điều 3. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ-SVI ngày 26/04/2024.

Điều 4. Đối tượng – Tiêu chuẩn

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các trưởng, phó phòng ban, các nhân viên chủ chốt có đóng góp tích cực vào sự phát triển của Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG và các vị trí quản lý các Công ty con thuộc Công ty theo danh sách được Hội đồng quản trị phê duyệt trong giai đoạn năm 2022 – 2023 (có xét đến thâm niên công tác trong Công ty) và/hoặc có khả năng đóng góp hiệu quả lâu dài trong tương lai.

Điều 5. Nội dung chương trình ESOP

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG (mã chứng khoán: SIP);
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho CBCNV: 1.454.463 cổ phiếu, tương đương 0,8% số cổ phiếu đang lưu hành;
- Mục đích phát hành: để thưởng cổ phiếu cho cán bộ nhân viên công ty nhằm gắn kết lợi ích của nhân viên với công ty;

- Nguồn vốn: Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Quỹ khen thưởng – Phúc lợi của Công ty theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023;
- Thời điểm thực hiện: Quý II,III /2024. Chủ tịch HĐQT quyết định cụ thể thời điểm;
- Giá phát hành: Cổ phiếu thưởng cho người lao động, không thu tiền.

Điều 6. Quyền lợi tham gia chương trình

- Được phân bổ số lượng cổ phiếu thưởng tương ứng với thành tích đạt được;
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.

Điều 7. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho CBCNV

Phân phối 1.454.463 cổ phiếu cho các cán bộ, nhân viên chủ chốt đáp ứng được tiêu chuẩn được phân phối cổ phiếu. Nguyên tắc chung để phân phối cổ phiếu sẽ được xác định kết hợp giữa thành tích đạt được trong giai đoạn năm 2022 – 2023, có xét tới quá trình đóng góp cho Công ty trong những năm trước đây và/hoặc có khả năng đóng góp hiệu quả lâu dài trong tương lai. Chi tiết được tính như sau:

Tổng số lượng cổ phiếu người lao động được phân bổ = Số lượng cổ phiếu phân bổ theo chức vụ và thâm niên (a) + số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ (b) (nếu có).

a. Số lượng cổ phiếu phân bổ theo chức vụ và thâm niên:

STT	Mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
	Thâm niên (năm)	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm
I	Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch HĐQT	30.000	30.000	36.000	42.000	48.000
2	Thành viên HĐQT không điều hành	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	20.000	20.000	24.000	28.000	32.000
4	Thành viên HĐQT	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000
II	Ban Kiểm soát					
5	Trưởng BKS	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000
6	Thành viên BKS kiêm chuyên viên Tiếp thị & Dịch vụ	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
7	Thành viên BKS	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
III	Ban Tổng giám đốc					
8	Tổng Giám đốc	28.000	28.000	33.000	38.000	44.000
9	Phó Tổng Giám đốc	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000
IV	Ban cố vấn					
10	Cố vấn	1.000	1.000	2.000	2.500	3.500

STT	Mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
	Thâm niên (năm)	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm
V	Giám đốc/trưởng phòng					
11	Phòng Tài chính - Kế toán	8.000	8.000	10.000	12.000	14.000
12	Phòng Phát triển Dự án	2.000	2.000	2.500	2.500	3.000
VI	Phó giám đốc/Phó phòng					
13	BĐH KCN Phước Đông	700	700	900	1.000	1.200
14	BĐH KCN Lê Minh Xuân 3	550	550	650	750	900
15	BĐH KCN Đông Nam	550	550	650	750	900
16	Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành	600	600	700	750	850
17	Phòng Tài chính - Kế toán	600	600	600	700	800
18	Văn phòng	400	400	500	550	650
19	Phòng Quản lý Xây dựng	350	350	400	400	500
VII	Trợ lý phòng/ban					
20	BĐH KCN Phước Đông	200	200	200	300	600
21	BĐH KCN Đông Nam	180	180	220	280	340
22	Phòng Quản lý Xây dựng	180	180	220	280	340
23	Phòng Phát triển Dự án	200	200	200	400	500
VIII	Cán bộ chủ chốt khác					
24	Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán Tổng hợp	400	400	400	500	600
	Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán xây dựng	300	300	400	400	500
	Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán thuế, thanh toán	250	250	300	300	300
	Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán ngân hàng	200	200	200	200	200
25	Văn Phòng - Bộ phận nhân sự	250	250	300	300	300
	Văn Phòng - Quản lý đội xe	300	300	400	400	400
	Văn Phòng - Bộ phận lái xe	120	120	140	140	180
26	Phòng Tiếp thị & Dịch vụ	400	400	400	400	400
27	BĐH KCN Đông Nam - Quản lý chung	300	300	300	300	300
	BĐH KCN Đông Nam - Quản lý tiện ích	150	150	150	150	200
28	Nhà máy XLNT KCN Đông Nam	200	200	250	350	350
29	TICC KCN Đông Nam	80	80	120	140	180
30	BĐH KCN Phước Đông - Quản lý chung	300	300	300	300	350
	BĐH KCN Phước Đông - Cây xanh	80	80	80	80	80
	BĐH KCN Phước Đông - Quản lý điện	200	200	300	300	300
	BĐH KCN Phước Đông - Quản lý nước	250	250	300	350	350
31	TICC KCN Phước Đông - Quản lý chung	200	200	260	260	280
	TICC KCN Phước Đông - Đội phó	200	200	200	200	200
	TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng phụ trách chung	130	130	170	170	200

STT	Mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
	Thâm niên (năm)	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm
	TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng	100	100	130	130	140
32	Phòng Phát triển Dự án	200	200	200	200	200
33	Nhà máy XLNT KCN Phước Đông	400	400	400	400	400
34	Phòng Quản lý Xây dựng - Chỉ huy trưởng	500	500	500	500	500
35	Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Quản lý chung	350	350	400	400	450
36	Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận điện	300	300	300	300	300
37	Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận hơi	200	200	200	250	250
38	NM Nước cấp KCN Phước Đông - Quản lý chung	200	200	250	250	300
39	NM Nước cấp KCN Phước Đông - Nhân viên	150	200	250	250	300
40	NM Nước đóng chai KCN Phước Đông	150	150	250	250	300
41	Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Quản lý chung	200	200	250	250	300
42	Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Nhân viên	160	160	180	250	300
43	Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Quản lý chung	250	250	300	350	350
44	Bộ phận Điện Lê Minh Xuân 3 - Quản lý chung	250	250	300	350	350
45	Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Nhân viên	200	200	200	250	250
IX	Ban lãnh đạo Công ty con					
46	Tổng Giám đốc - Phú An Thành	400	400	400	400	400
47	Phó TGĐ - Phú An Thành	250	250	350	350	400
48	Kế toán trưởng - Phú An Thành	250	250	350	350	400
49	Văn phòng - Phú An Thành	200	200	260	260	280
50	Phụ trách điều hành VRG Thanh Phước	400	400	400	400	400
51	Kế toán trưởng - VRG Thanh Phước	250	250	350	350	400
52	Phó TGĐ - Bao Bì Sài Gòn	250	250	300	350	350
53	Phó TGĐ - VRG Long Thành	200	200	260	260	280
54	Phòng Kinh doanh - VRG Long Thành	200	200	260	260	280
55	Phòng Xây dựng - VRG Long Thành	200	200	260	260	280
56	Kế toán trưởng - VRG Long Thành	250	250	350	350	400

- Số lượng cổ phiếu phân bổ theo thâm niên và chức vụ mà người lao động nhận được sẽ được tính bằng cách cộng dồn số lượng cổ phiếu tại các mức mà người lao động đạt được.
- Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A – Phòng Tài chính – Kế toán phụ trách kế toán tổng hợp đã làm việc được 15 năm tính từ ngày bắt đầu làm việc đến ngày 31/12/2023 (đạt mức 5) khi đó số lượng cổ phiếu phân bổ theo thâm niên và chức vụ của Ông Nguyễn Văn A sẽ bằng tổng mức 1 (400 cổ phiếu) + mức 2 (400 cổ phiếu) + mức 3 (400 cổ phiếu) + mức 4 (500 cổ phiếu) + mức 5 (600 cổ phiếu) bằng 2.300 cổ phiếu. (*)

b. Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

STT	Đối tượng áp dụng	Mức thưởng cổ phiếu áp dụng			
		A1	A2	A3	A4
1	Các thành viên Hội đồng quản trị				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	33.263	26.000	14.000	6.000
2	Các thành viên Ban Tổng giám đốc				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	31.000	16.000	11.000	4.500
3	Các thành viên Ban Kiểm soát				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	25.000	11.000	5.000	2.000
4	Giám đốc/trưởng phòng ban				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	8.000	4.000	1.600	1.000
5	Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty con				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	4.400	2.700	1.350	1.000
6	Các phó giám đốc/phó phòng ban				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	2.500	2.000	1.500	1.000
7	Các thành viên chủ chốt còn lại				
	Số lượng cổ phiếu thưởng phân bổ	1.800	1.600	1.300	1.000

Ghi chú:

- Mức thưởng cổ phiếu A1, B1: là mức áp dụng đối với các đối tượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2023, năm 2022 và các trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật;
- Mức thưởng cổ phiếu C1, D1, E1, F1, G1: là mức áp dụng đối với các đối tượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong năm 2023 và năm 2022;
- Mức thưởng cổ phiếu A2, B2, C2, D2, E2, F2, G2: là mức áp dụng đối với các đối tượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong năm 2023 và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2022;
- Mức thưởng cổ phiếu A3, B3, C3, D3, E3, F3, G3: là mức áp dụng đối với các đối tượng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2023 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trách nhiệm được giao năm 2022;

- Mức thưởng cổ phiếu A4, B4, C4, D4, E4, F4, G4: là mức áp dụng đối với các đối tượng hoàn thành tốt nhiệm vụ và trách nhiệm được giao trong năm 2023 và năm 2022;

Tổng số lượng cổ phiếu người lao động nhận được sẽ bằng tổng số lượng cổ phiếu phân bổ theo thâm niên và chức vụ cộng với tổng số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ (nếu có).

Ví dụ: như trường hợp Ông Nguyễn Văn A thuộc Phòng Tài Chính – Kế toán phụ trách Kế toán tổng hợp đã làm việc được 15 năm (đạt mức 5) (*) đồng thời đạt được mức thưởng hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm được giao là G2 (tương đương 1.600 cổ phiếu) thì tổng số lượng cổ phiếu được phân bổ cho Ông Nguyễn Văn A là $2.300 + 1.600 = 3.900$ cổ phiếu.

Điều 8. Thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: trong vòng 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Điều 9. Các trường hợp bị thu hồi cổ phiếu

1. Cán bộ, nhân viên bị thu hồi cổ phiếu trong các trường hợp sau:
 - Nếu cán bộ, nhân viên thôi việc trong thời gian thực hiện chương trình này thì toàn bộ số cổ phiếu thưởng sẽ được Công ty thu hồi lại với giá 0 (Không) đồng/cổ phiếu;
 - Trong quá trình làm việc nếu cán bộ, nhân viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có dấu hiệu vi phạm nội quy Công ty, được Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc kết luận và có xác nhận của Chủ tịch Công đoàn thì toàn bộ số cổ phiếu thưởng của cán bộ, nhân viên đó sẽ được trình HĐQT Công ty thu hồi lại với giá 0 (Không) đồng/cổ phiếu;
 - Cán bộ, nhân viên qua đời hoặc bị mất sức lao động không thể tiếp tục làm việc tại Công ty, HĐQT có thể xem xét (cho từng trường hợp cụ thể) để quyết định cho thành viên đó (hay người thừa kế theo quy định của pháp luật) được tiếp tục thừa hưởng các quyền lợi của thành viên ESOP;
 - Các trường hợp vi phạm khác chưa được quy định ở trên, HĐQT sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để ra quyết định thu hồi cổ phiếu thưởng của thành viên ESOP.
2. Cổ phiếu thu hồi lại của CBCNV sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật do HĐQT quyết định và có xác nhận của Chủ tịch Công đoàn.
3. Các khoản thuế, phí liên quan đến chuyển nhượng cổ phiếu (nếu có phát sinh) sẽ do bên chuyển nhượng chi trả.

Điều 10. Tuân thủ các quy định về kế toán và thuế

- Hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân: cá nhân tham gia chương trình phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Thuế đối với cổ tức: cá nhân tham gia chương trình phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 11. Triển khai thực hiện

Hội đồng quản trị có trách nhiệm quyết định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng cán bộ, nhân viên chủ chốt căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của chương trình.

Điều 12. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế ESOP

Với sự ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG là cơ quan cao nhất có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chế này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng thống nhất trong toàn bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG.

4/

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Trần Mạnh Hùng

C.P.
H.

**DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024**

STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
						Mức áp dụng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			589.263								
1	Trần Mạnh Hùng		Chủ tịch HĐQT	219.263	Mức 5	30.000	30.000	36.000	42.000	48.000	33.263	A1
2	Phạm Hồng Hải		Thành viên HĐQT không điều hành	10.000	Mức 5	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	-	
3	Nguyễn Thanh Tùng		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	150.000	Mức 5	20.000	20.000	24.000	28.000	32.000	26.000	A2
4	Bạch Văn Nhân		Thành viên HĐQT	105.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	6.000	A4
5	Phạm Văn Đông		Thành viên HĐQT	105.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	6.000	A4
II	BAN KIỂM SOÁT			108.000								
6	Huỳnh Như Ngọc		Trưởng BKS	97.000	Mức 4	15.000	15.000	19.000	23.000	-	25.000	C1
7	Tăng Đông Lai		Thành viên BKS kiêm chuyên viên Phòng Tiếp thị & Dịch vụ	6.000	Mức 4	1.500	1.500	1.500	1.500	-	-	
8	Huỳnh Hữu Tín		Thành viên BKS	5.000	Mức 5	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-	
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			542.000								
9	Lư Thanh Nhã		Tổng Giám đốc	202.000	Mức 5	28.000	28.000	33.000	38.000	44.000	31.000	B1
10	Trần Ngọc Vân		Phó Tổng Giám đốc	115.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	16.000	B2
11	Phan Quốc Thắng		Phó Tổng Giám đốc	110.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	11.000	B3
12	Đặng Ánh Hào		Phó Tổng Giám đốc	115.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	16.000	B2
IV	BAN CỐ VẤN			10.000								
13	Trần Ngọc Nhân		Cố vấn	10.000	Mức 5	1.000	1.000	2.000	2.500	3.500	-	
V	GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG PHÒNG			36.000								
14	Nguyễn Thành Đạt		Phòng Tài chính - Kế toán	24.000	Mức 2	8.000	8.000	-	-	-	8.000	D1
15	Lữ Thanh Hiền		Phòng Phát triển Dự án	12.000	Mức 5	2.000	2.000	2.500	2.500	3.000	-	
VI	PHÓ GIÁM ĐỐC/PHÓ PHÒNG			41.500								
16	Nguyễn Anh Phú Nguyễn		BĐH KCN Phước Đông	7.000	Mức 5	700	700	900	1.000	1.200	2.500	F1
17	Võ Quang Trung		BĐH KCN Phước Đông	5.500	Mức 5	700	700	900	1.000	1.200	1.000	F4
18	Nguyễn Đức Huy		BĐH KCN Lê Minh Xuân 3	3.500	Mức 4	550	550	650	750	-	1.000	F4
19	Nguyễn Mộng Hoàng		BĐH KCN Đông Nam	3.500	Mức 5	500	500	500	500	500	1.000	F4
20	Nguyễn Thoai Việt Đức		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành	4.500	Mức 5	600	600	700	750	850	1.000	F4
21	Trần Thị Hằng		Phòng Tài chính - Kế toán	3.500	Mức 4	600	600	600	700	-	1.000	F4
22	Đinh Thị Kim Hiếu		Văn phòng	3.500	Mức 5	400	400	500	550	650	1.000	F4
23	Nguyễn Trường Vinh Quang		Phòng Quản lý Xây dựng	3.500	Mức 5	350	350	400	400	500	1.500	F3
24	Chung Minh Tiến		Phòng Quản lý Xây dựng	4.000	Mức 4	350	350	400	400	-	2.500	F1
25	Lê Đông Hưng		Phòng Quản lý Xây dựng	3.000	Mức 5	350	350	400	400	500	1.000	F4
VII	TRỢ LÝ PHÒNG/BAN			17.900								
26	Võ Thanh Tùng		BĐH KCN Phước Đông	2.500	Mức 4	200	200	200	300	-	1.600	G2
27	Lê Quốc Tấn		BĐH KCN Phước Đông	2.500	Mức 5	200	200	200	300	600	1.000	G4
28	Trần Ngọc Tuấn		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4



DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024

STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
						Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ	Mức thưởng
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
29	Nguyễn Văn Dương		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4
30	Huỳnh Ngọc Thạch		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4
31	Nguyễn Duy Quý		Phòng Quản lý Xây dựng	2.200	Mức 5	240	240	240	240	240	1.000	G4
32	Nguyễn Quang Hưng		Phòng Phát triển Dự án	2.500	Mức 5	200	200	200	400	500	1.000	G4
33	Võ Quốc Khanh		Phòng Phát triển Dự án	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
VIII	CÁN BỘ CHỦ CHỐT KHÁC			81.700								
34	Nguyễn Minh Đoàn		Phòng Tài chính - Kế toán xây dựng	3.000	Mức 4	300	300	400	400	-	1.600	G2
35	Nguyễn Tấn Kiệt		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
36	Nguyễn Thị Thanh Thúy		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
37	Nguyễn Thị Thanh Loan		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán ngân hàng	2.000	Mức 5	200	200	200	200	200	1.000	G4
38	Đình Văn Đức		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
39	Lê Hồng Việt		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán thuế, thanh toán	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
40	Nguyễn Thị Quỳnh Như		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán thuế, thanh toán	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
41	Bùi Thị Thu Hà		Văn Phòng - Bộ phận nhân sự	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
42	Bùi Xuân Dân		Văn Phòng - Quản lý đội xe	2.000	Mức 3	300	300	400	-	-	1.000	G4
43	Thái Quốc Đức		Lái xe Văn phòng	1.700	Mức 5	120	120	140	140	180	1.000	G4
44	Lâm Văn Sơn		Lái xe Văn phòng	2.000	Mức 5	120	120	140	140	180	1.300	G3
45	Phạm Hồ Quốc An		Phòng Tiếp thị & Dịch vụ	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
46	Nguyễn Thị Kim Nhuyên		BĐH KCN Đông Nam - Quản lý chung	1.600	Mức 2	300	300	-	-	-	1.000	G4
47	Phạm Thế Duy Khanh		BĐH KCN Đông Nam - Quản lý tiện ích	1.600	Mức 4	150	150	150	150	-	1.000	G4
48	Nguyễn Thị Thanh Nhân		Nhà máy (NM) XLNT KCN Đông Nam	2.000	Mức 4	200	200	250	350	-	1.000	G4
49	Nguyễn Lê Khánh Hào		Nhà máy XLNT KCN Đông Nam	2.000	Mức 4	200	200	250	350	-	1.000	G4
50	Nguyễn Văn Lộc		TICC KCN Đông Nam	1.600	Mức 5	80	80	120	140	180	1.000	G4
51	Nguyễn Thị Thu Hằng		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 4	300	300	300	300	-	1.000	G4
52	Lê Xuân Huỳnh Đức		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 2	300	300	-	-	-	1.600	G2
53	Phạm Văn Thu		BĐH KCN Phước Đông - Cây xanh	1.400	Mức 5	80	80	80	80	80	1.000	G4
54	Nguyễn Hồng Ân		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý điện	2.000	Mức 4	200	200	300	300	-	1.000	G4
55	Lê Thị Hoài An		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý nước	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
56	Nguyễn Hoài Bảo		TICC KCN Phước Đông - Đội phó	2.000	Mức 5	200	200	200	200	200	1.000	G4
57	Võ Thành Đô		TICC KCN Phước Đông - Đội phó	2.000	Mức 2	200	200	-	-	-	1.600	G2
58	Nguyễn Văn Vũ		TICC KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	G4
59	Nguyễn Sang Anh		TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng phụ trách chung	1.800	Mức 5	130	130	170	170	200	1.000	G4
60	Nguyễn Hồng Hải		TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng	1.600	Mức 5	100	100	130	130	140	1.000	G4
61	Trịnh Thị Diễm Hương		Phòng Phát triển Dự án	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
62	Nguyễn Hoàng Phương		Nhà máy XLNT KCN Phước Đông	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
63	Bùi Ngọc Tuyền		Phòng Quản lý Xây dựng - Chỉ huy trưởng	2.500	Mức 3	500	500	500	-	-	1.000	G4



**DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỞNG THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024**

STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
						Mức áp dụng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
64	Đặng Hữu Khan		Phòng Quản lý Xây dựng	2.000	Mức 2	500	500	-	-	-	1.000	G4
65	Nguyễn Minh Tiến		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Quản lý chung	2.500	Mức 4	350	350	400	400	-	1.000	G4
66	Đoàn Duy Phương		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận điện	1.600	Mức 2	300	300	-	-	-	1.000	G4
67	Huỳnh Thanh Dũng		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận hơi	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
68	Lê Hồng Phúc		NM Nước cấp KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	250	250	300	1.000	G4
69	Nguyễn Văn Nhã		NM Nước cấp KCN Phước Đông - Nhân viên	1.600	Mức 3	150	200	250	-	-	1.000	G4
70	Võ Thị Trung Hậu		NM Nước đóng chai KCN Phước Đông	1.800	Mức 4	150	150	250	250	-	1.000	G4
71	Trương Bảo Châu		Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	250	250	300	1.000	G4
72	Lê Hồng Phúc		Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Nhân viên	1.800	Mức 3	160	160	180	-	-	1.300	G3
73	Lâm Văn Tuấn		Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Quản lý chung	1.800	Mức 2	250	250	-	-	-	1.300	G3
74	Huỳnh Công Huy		Bộ phận Điện Lê Minh Xuân 3 - Quản lý chung	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
75	Nguyễn Tuấn Thư		Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Nhân viên	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
IX	BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY C			28.100								
76	Nguyễn Hồng Quân		Tổng Giám đốc - Phú An Thành	3.000	Mức 5	400	400	400	400	400	1.000	E4
77	Đoàn Thế Huy		Phó TGĐ - Phú An Thành	2.200	Mức 4	250	250	350	350	-	1.000	E4
78	Vũ Thị Mỹ Lynch		Kế toán trưởng - Phú An Thành	6.000	Mức 5	250	250	350	350	400	4.400	E1
79	Lê Văn Nhu		Văn phòng - Phú An Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
80	Lê Dương Anh Tuấn		Phụ trách điều hành VRG Thanh Phước	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	E4
81	Nguyễn Chí Dũng		Kế toán trưởng - VRG Thanh Phước	2.200	Mức 3	250	250	350	-	-	1.350	E3
82	Nguyễn Trung Dũng		Phó TGĐ - Bao Bi Sài Gòn	1.500	Mức 2	250	250	-	-	-	1.000	E4
83	Vũ Văn Lũng		Phó TGĐ - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
84	Phạm Minh Tạo		Phòng Kinh doanh - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
85	Lê Thanh Dũng		Phòng Xây dựng - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
86	Hoàng Thị Diễm Châu		Kế toán trưởng - VRG Long Thành	2.200	Mức 4	250	250	350	350	-	1.000	E4
Tổng Cộng				1.454.463		203.320	203.370	236.560	270.980	280.420	259.813	

Người lập

Nguyễn Thành Đạt

Ghi chú: Tổng số lượng cổ phiếu được phân bổ của mỗi người lao động được tính bằng (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6)

Tổng Giám đốc

Lư Thanh Nhã

